TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 15-01-2021
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Mai Trần Phúc.

2. Bà Hoàng Thị Thu Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Vương Lệ Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh *tham gia phiên tòa:* Ông Võ Minh Mẫn - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 812/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2020 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị U, sinh năm: 1971; Địa chỉ: ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1971; Địa chỉ: ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

(Chị U, anh Đ vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 12 năm 2020, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị Lê Thị U - trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Văn Đ chung sống với nhau từ năm 1990, khi về chung sống chỉ có ra mắt gia đình hai bên chứ không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, anh chị có một người con chung tên Nguyễn Thị Thúy O, sinh năm 1992. Do tính tình không hòa hợp nên chị và anh Đ thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Chị trình bày anh chị không có nợ chung.

** Bị đơn – anh Nguyễn Văn Đ – trình bày:*

Anh thống nhất như trình bày của chị U về quan hệ hôn nhân và con chung. Sau nhiều năm chung sống, anh và chị U bắt đầu nảy sinh nhiều bất đồng, nhất là về vấn đề tiền bạc. Nay, chị U yêu cầu giải quyết ly hôn với anh, anh đồng ý.

Về con chung: Đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Anh trình bày anh chị không có nợ chung.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đều đã tuân thủ theo đúng quy định. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị U và anh Đ; Về nuôi con chung: Đã trưởng thành, không đặt ra giải quyết; Chị U phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị U và anh Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật

Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị U, anh Đ.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị U và anh Đ chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990, có đủ điều kiện kết hôn nhưng từ khi bắt đầu chung sống đến nay vẫn không đăng ký kết hôn. Theo quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, việc chung sống giữa anh, chị không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay, chị U khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Đ, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị U và anh Đ.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị U và anh Đ có một con chung tên Nguyễn Thị Thúy O, sinh năm 1992. Con chung đã trưởng thành, có năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động nên anh chị không yêu cầu giải quyết về nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Các đương sự xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 14, 53, 81 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị U và anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về nuôi con chung: Chị U và anh Đ có một con chung tên Nguyễn Thị Thúy O, sinh năm 1992. Con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Các đương sự xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Lê Thị U chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007865 ngày 11/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Chị Lê Thị U đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Quyên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA